TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/**2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025.
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Viết Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 164/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa dân sự sở thẩm 109/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 21 đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là số 21 đường Hoàng Diệu, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông **Tiêu Tường T**, sinh ngày: 20/12/1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 68 đường Chi Lăng, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (nay là số 68 đường Chi Lăng, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang).

* Bị đơn: Bà **Cao Thị Thu H**, sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11 đường Dương Diện Nghệ, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là số 11 đường Dương Diện Nghệ, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Ngô Út H**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11 đường Dương Diện Nghệ, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là số 11 đường Dương Diện Nghệ, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T - ông Tiêu Tường T trình bày:*

Vào năm 2020, bà Cao Thị Thu H có vay của ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), mục đích để kinh doanh mua bán. Khi vay, bà H có làm "Giấy vay tiền" đề ngày 26/02/2020, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng và không ghi vào giấy vay tiền.

Bà H đóng lãi cho ông T đến tháng 02/2024 thì ngưng không đóng nữa, cũng không trả nợ gốc cho ông T. Việc bà H vay tiền là để kinh doanh cùng chồng là ông Ngô Út H, nên ông T đã nhiều lần tìm gặp và yêu cầu bà H, ông H1 cùng trả nợ, nhưng cho đến nay bà H và ông H1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Tại phiên tòa, ông Tiêu Tường T đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá giải quyết buộc bà Cao Thị Thu H và ông Ngô Út H cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền nợ vay **1.000.000.000** đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/3/2024 cho đến khi xét xử vụ án.

** Bị đơn bà Cao Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Út H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Cao Thị Thu H cùng liên đới với ông Ngô Út H trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 01/3/2024. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Cao Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Út H đã được Tòa án tống đạt trực tiếp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà H, ông H1 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Cao Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Út H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T yêu cầu bà Cao Thị Thu H và ông Ngô Út H cùng liên đới trả cho ông T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Hội đồng xét xử nhận định:

Trong "Giấy vay tiền" đề ngày 26/02/2020 thể hiện nội dung ông Nguyễn Hữu T có cho bà Cao Thị Thu H vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và bà H (người vay) cam kết sẽ trả nợ đúng hạn. Theo phía nguyên đơn trình bày thì Giấy vay tiền này là do bà Cao Thị Thu H tự ký và ghi rõ họ tên. Quá trình tố tụng bị đơn bà Cao Thị Thu H không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến vụ việc tranh chấp của hai bên, không đến Tòa án tham dự phiên tòa, và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt Thông báo kết quả về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/6/2025 cho bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào "Giấy vay tiền" đề ngày 26/02/2020 để xác định bị đơn bà Cao Thị Thu H có thiếu ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Thu H phải trả số tiền **1.000.000.000** đồng (Một tỷ đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/3/2024 trên số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi luất trên số tiền vay là có cơ sở, nên được chấp nhận. Xét thấy, trong nội dung "Giấy vay tiền" đề ngày 26/02/2020 không thể hiện lãi suất khi vay, đồng thời quá trình tố tụng, bà H và ông H1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì về phần lãi có xác lập khi vay và phần lãi đã đóng cho ông T. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được tính là 10%/năm, tương ứng là 0,833%/tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/3/2024 đến ngày 29/9/2025 (ngày xét xử) là 18 tháng 28 ngày: 1.000.000.000 đồng x 0,833% x 18 tháng 28 ngày = **157.714.666** đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **1.157.714.666** đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông Ngô Út H đối với số nợ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mà bà H đã vay của ông Nguyễn Hữu T. Mặc dù ông H1 không có ký tên vào giấy vay tiền, nhưng bà H và ông H1 là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân. Ông T trình bày việc bà H vay tiền của ông là để kinh doanh cùng chồng là ông Ngô Út H, nên ông T đã nhiều lần tìm gặp và yêu cầu bà H, ông H1 cùng liên đới trả nợ, nên đối khoản nợ này ông H1 có biết. Căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Ngô Út H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà Cao Thị Thu H.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T được chấp nhận nên bà Cao Thị Thu H và ông Ngô Út H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 36.000.000 đồng + (357.714.666 đồng x 3%) = 46.731.439 đồng (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014424 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc bị đơn bà Cao Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Út H cùng liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T số tiền vay nợ gốc và lãi là: **1.157.714.666** đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị Thu H và ông Ngô Út H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **46.731.439** đồng (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **21.000.000** đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014424 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Phong Thi hành án dân sự khu vực 1- An Giang).

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 1- An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 1- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh